TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: ***65****/2024/DS-ST*
Ngày: 28-6-2024
Về việc: "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quang Truyền.

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Danh – Thư ký Toà án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Vi, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 278/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị NTN, sinh năm 1980. Địa chỉ: M5 – 12- 01 - CCQK7, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ mới: 104B, đường A, khu phố A, phường A, Thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương, vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh PDK, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp A, xã A, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo yêu cầu của Nguyên đơn tại Đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết trình bày như sau:**

Chị N không có quan hệ họ hàng với anh K, quen biết anh K do có người giới thiệu anh Bùi Trung Kiên và anh K có vay tiền của của chị N, cụ thể: Ngày 02-6-2023 dương lịch, anh K vay số tiền 60.000.000 đồng, việc vay tiền có làm giấy nợ

ngày 02-6-2023, chị N ký tên bên cho vay, anh K viết nội dung bên mượn tiền, ký tên ký tên và lăn tay bên vay, thỏa thuận tháng 10-20-203 trả tiền gốc, thoả thuận lãi suất là 10.000.000 đồng/05 tháng, do đi lại khó khăn nên chị N đã thu trước số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi, nên chị N chuyển khoản 37.000.000 từ tài khoản chị N vào tài khoản anh K (chị N đã cung cấp thông tin chuyển tiền thành công), còn lại chị N chuyển khoản số tiền 13.000.000 đồng cho tiệm cầm đồ do anh Kiên, anh K chỉ định nhưng hiện nay chị không tìm được địa chỉ hoặc thông tin chuyển khoản. Sau đó, anh K đồng ý viết giấy ghi nợ5 vay tiền. Mục đích anh K vay tiền không nói vay làm gì, vay không có thế chấp tài sản nhưng anh K hứa là sẽ khi nào lãnh tiền bảo hiểm của anh K xong thì sẽ trả tiền cho chị N. Ngoài ra, anh K và chị N có ký Hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng công chứng Trương Lê Nguyên Thảo, địa chỉ: 304/2D, đường Nguyễn Chí Thanh, khu phố Thạnh Bình, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với nội dung anh K ủy quyền chị N liên quan cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện thủ tục nộp hồ sơ và nhận tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thay cho anh K. Sau đó, chị N không liên lạc được với anh K và chị N liên hệ bên Bảo hiểm xã hội được trả lời là đã cấp lại sổ cho anh K, anh K đã nhận tiền xong không trả nợ cho chị N nên chị N khởi kiện anh K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N có ý kiến như sau:

+ Yêu cầu anh PDK trả chị NTN số tiền đã nhận từ chuyển khoản là 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu), tính lãi 1,66%/tháng từ ngày 02-6-2023 đến ngày giải quyết xong.

+ Đề nghị Toà án không xem xét, giải quyết số tiền 10.000.000 vì khi cho vay số tiền 60.000.000 đồng, chị N chỉ giao anh K giao 37.000.000 đồng, còn số tiền 10.000.000 đồng chị N chỉ khấu trừ trên giấy anh K đồng ý.

+ Đối với số tiền 13.000.000 đồng trong số tiền nợ 50.000.000 đồng, chị N đã có Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Nay, chị NTN khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xem xét, giải quyết buộc anh PDK có nghĩa vụ trả chị N số tiền 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng, tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 02-6-2023 đến ngày giải quyết xong vụ án.

**** Bị đơn anh PDK trình bày:***

Ngày 24-01-2024 tại Tòa án, anh K trình bày đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án về việc chị N yêu cầu anh có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền 60.000.000 đồng thì anh K không đồng ý trả tiền cho chị N vì từ trước đến nay anh không có quen biết gì với chị N. Toà án cho anh tiếp cận Giấy ghi nợ ngày 02-6-2023, anh K không nhớ là có ký tên vào giấy ghi nợ này hay không và chị N có xuất trình chứng cứ là bản hợp đồng uỷ quyền giữa anh với bà Nhung lập tại Văn phòng Công chứng Trương Lê Nguyên Thảo, anh có ý kiến như sau: Vào ngày 02-6-2023, anh K đi công chứng với anh Bùi Trung Kiên, nội dung là uỷ quyền đi rút tiền trong sổ bảo hiểm của anh, khi công chứng xong, anh có viết giấy ghi nợ và ký tên, đưa cho anh Kiên giữ (chỉ chụp hình giấy nợ lại và có cung cấp cho toà án bản in), còn anh K giữ bản chính giấy phép lái xe hạng A1 của anh Kiên. Mục đích là anh Kiên đồng ý mua sổ bảo hiểm của anh K với giá 60.000.000 đồng nhưng anh Kiên mới chuyển cho anh K số tiền 30.000.000 đồng, hẹn vài ngày nữa đưa 30.000.000 đồng nhưng chưa đưa, và anh Kiên hứa khi nào anh đi rút tiền trong bảo hiểm ra thì anh Kiên sẽ cho

anh K thêm 5.000.000 đồng. Nhưng sau đó anh K không liên lạc được với anh Kiên nên anh K đã bán sổ bảo hiểm của anh K cho người khác, người ta cũng rút tiền xong. Cho nên người kiện đòi tiền lại anh K thì phải là anh Kiên mới đúng nhưng anh K không liên lạc được với anh Kiên, còn chị N thì anh K không quen biết. Anh K không biết địa chỉ, thông tin cụ thể của anh Bùi Trung Kiên. Trong quá trình giải quyết công khai tài liệu, chứng cứ, hòa giải, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh K không đến Tòa án để cung cấp thêm chứng cứ, lời trình bày.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị NTN. Buộc anh PDK có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền 37.000.000 đồng và tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 02-6-2023 đến ngày giải quyết xong vụ án khấu trừ số tiền lãi 10.000.000 đồng chị N đã nhận trước của anh K.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị NTN đối với số tiền 13.000.000 đồng trong số tiền nợ 50.000.000 đồng, sẽ giải quyết ở vụ án khác nếu chị N yêu cầu.

Án phí: Anh PDK chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về việc vắng mặt của các đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228, 233, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị NTN trình bày cho anh PDK vay số tiền là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, đến hạn không trả nên chị N khởi kiện yêu cầu anh K trả số tiền nợ. Do đó, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" giữa Nguyên đơn chị NTN và Bị đơn anh PDK. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án thể hiện:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị NTN cung cấp chứng cứ Giấy ghi nợ ngày 02-6-2023 (Bút lục 40), Bản kê chuyển tiền thành công (Bút lục 42), Hợp đồng ủy quyền (Bút lục 35-38). Anh PDK không cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là chứng cứ hợp pháp dùng giải quyết vụ án.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị NTN, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị NTN, anh PDK quen biết nhau nên chị N cho anh K vay tiền là 60.000.000 đồng, có ghi giấy nợ ngày 02-6-2023, chị N ký tên bên cho vay, anh K viết nội dung bên mượn tiền, ký tên ký tên và lăn tay bên vay, thỏa thuận tháng 10-20-203 trả tiền gốc, thoả thuận lãi suất là 10.000.000 đồng/05 tháng, do đi lại khó khăn nên chị N đã thu trước số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi nên chị N chỉ giao cho anh K số tiền còn lại là 50.000.000 đồng hình thức chuyển khoản 37.000.000 từ tài khoản chị N vào tài khoản anh K (chị N đã cung cấp thông tin chuyển tiền thành công), còn lại chị N chuyển khoản số tiền 13.000.000 đồng cho tiệm cầm đồ do anh Kiên, anh K chỉ định nhưng hiện nay chị không tìm được địa chỉ hoặc thông tin chuyển khoản. Mục đích vay anh K không nói vay làm gì, vay không có thế chấp tài sản nhưng anh K hứa là sẽ khi nào lãnh tiền bảo hiểm của anh K xong thì sẽ trả tiền cho chị N. Ngoài ra, anh K và chị N có ký Hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng công chứng Trương Lê Nguyên Thảo, địa chỉ: 304/2D, đường Nguyễn Chí Thanh, khu phố Thạnh Bình, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với nội dung anh K ủy quyền chị N liên quan cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện thủ tục nộp hồ sơ và nhận tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thay cho anh K. Anh K trình bày không quen biết, không vay tiền chị N, trình bày có đến Văn phòng công chứng, uỷ quyền đi rút tiền trong sổ bảo hiểm của anh, khi công chứng xong, anh có viết giấy ghi nợ và ký tên là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do chị N cung cấp, đã thể hiện sự việc vay tiền của anh K là có và việc anh K không trả nợ theo thỏa thuận đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị N. Trong Giấy ghi nợ không thể hiện lãi suất và quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 02-6-2023 đến ngày giải quyết xong vụ án, anh K không không thừa nhận nên Hội đồng xét xử xét thấy các bên tranh chấp về lãi suất nên cần tính mức lãi suất 10%/năm là 0,83%/tháng là phù hợp. Do đó, chị N khởi kiện yêu cầu yêu cầu Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xem xét, giải quyết buộc anh PDK có nghĩa vụ trả chị N số tiền 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng và lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 02-6-2023 đến ngày giải quyết xong vụ án (ngày 28-6-2024) là 12 tháng 26 ngày, được tính như sau:

37.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng 26 ngày = 3.951.353 đồng làm tròn 3.951.000 (Ba triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn) đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 40.951.000 (Bốn mươi triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn) đồng.

Trong quá trình giải quyết, số tiền 10.000.000 đồng là do chị N trình bày giữ trừ trước trong số tiền 60.000.000 đồng anh K ghi giấy nợ và thực tế các bên giao dịch chuyển khoản chỉ có 37.000.000 đồng nên không cần khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng vào số tiền gốc và lãi là 40.951.000 (Bốn mươi triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn) đồng. Do đó, cần buộc anh PDK có nghĩa vụ giao lại chị NTN số tiền 40.951.000 (Bốn mươi triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn) đồng là hoàn toàn có cơ sở, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

[3.3] Chị N, anh K trình bày không biết địa chỉ cư trú, làm việc của anh Bùi Trung Kiên nên không thể cung cấp cho Toà án. Đối với việc anh K trình bày giữ Giấy phép lái xe hạng A1 của anh Bùi Trung Kiên sẽ được giải quyết tại vụ án khác khi có yêu cầu. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị NTN đối với anh PDK về việc trả số tiền 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng trong vụ án này, được giải quyết tại vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, xét đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị NTN theo hướng phân tích trên.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Anh PDK phải chịu 2.047.500 (Hai triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị NTN đối với anh PDK về "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh PDK có nghĩa vụ giao lại chị NTN số tiền 40.951.000 (Bốn mươi triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng, tiền lãi 3.951.000 (Ba triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn) đồng. Ghi nhận chị NTN không yêu cầu gì khác.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015".

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị NTN đối với anh PDK về việc trả số tiền 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Về án phí: Anh PDK phải chịu 2.047.500 (Hai triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị NTN không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 (Một triệu

năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0021876 ngày 03-10-2024 cho chị NTN. Chị NTN được nhận lại số tiền trên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Hi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Hiếu